

**Phụ lục 1**  
**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT BÌNH CHỊU ÁP LỰC,  
LẮP ĐẶT TRÊN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI**

## PHIẾU ĐỀ NGHỊ BIÊN SOẠN PHÊ DUYỆT ÁP DỤNG TÀI LIỆU

Kính gửi: -Giám đốc  
-Lãnh đạo chất lượng

- Biên soạn mới                       Soát xét, sửa đổi                       Loại bỏ  
 Áp dụng tài liệu bên ngoài                       Cấp phát thêm tài liệu

Tên tài liệu/hồ sơ:

- PL01 QCVN 67:2018/BGTVT : Quy trình kiểm định an toàn kỹ thuật bình chịu áp lực, lắp đặt trên phương tiện giao thông vận tải

- Lý do: - Áp dụng kiểm định cho các thiết bị thuộc Bộ GTVT quản lý

Người đề nghị

Ký tên

Ngày 06/02/2020

Trần Ngọc Thạch



### 2. Phê duyệt đề nghị

2.1 Ý kiến:  Đồng ý                       Không đồng ý

2.2 Người biên soạn/soát xét:

2.3. Người thẩm xét:

2.4. Chú thích:

Người phê duyệt  
PGĐ. Trần Hồng Hà

Ký tên

Ngày 06/02/2020



### 3. Thẩm xét trình phê duyệt áp dụng tài liệu

3.1 Ý kiến:  Đồng ý trình phê duyệt                       Không đồng ý

3.2 Chú thích:

Người thẩm xét

Ký tên

Ngày 06/02/2020

PGĐ. Trần Hồng Hà



### 4. Phê duyệt áp dụng và phân phối tài liệu

4.1 Ý kiến:  Đồng ý                       Không đồng ý

4.2 Chú thích:

4.3 Tài liệu có hiệu lực áp dụng từ ngày: 31/03/2020

4.4 Thời hạn xem xét tính hiệu lực của tài liệu: trong các kỳ họp xem xét của lãnh đạo

4.5 Danh sách phân phối tài liệu:

Phân phối qua phần mềm cho tất cả các chức danh

Phân phối bản cứng cho các chức danh theo mục 5 của TT01 sở hữu các bản số :

Người phê duyệt

Ký tên

Ngày 06/02/2020

Giám đốc Lê Công Sơn



## **QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT BÌNH CHỊU ÁP LỰC**

### **1. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

#### 1.1. Phạm vi áp dụng

Quy trình kiểm định an toàn kỹ thuật này áp dụng để kiểm định an toàn kỹ thuật lần đầu, định kỳ và bất thường đối với các bình chịu áp lực lắp đặt trên phương tiện cơ giới đường bộ và phương tiện đường sắt thuộc Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Quy trình này không áp dụng cho các loại chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan, tích số giữa dung tích (tính bằng lít) và áp suất (tính bằng bar) không quá 200, bình có dung tích nhỏ hơn 25 lít.

Căn cứ vào quy trình này, các tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động áp dụng trực tiếp hoặc xây dựng quy trình cụ thể, chi tiết cho từng dạng, loại bình chịu áp lực trên nhưng không được trái với quy định của quy trình này.

#### 1.2. Đối tượng áp dụng

- Các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý, sử dụng bình chịu áp lực nêu tại Mục 1.1 của Quy trình này (sau đây gọi tắt là cơ sở);
- Các tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

### **2. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

- TCVN 8366:2010 - Bình chịu áp lực - Yêu cầu kỹ thuật an toàn về thiết kế, kết cấu, chế tạo;
- TCVN 6155:1996 - Bình chịu áp lực - Yêu cầu kỹ thuật an toàn về lắp đặt, sử dụng, sửa chữa;
- TCVN 6156:1966 - Bình chịu áp lực - Yêu cầu kỹ thuật an toàn về lắp đặt, sử dụng, sửa chữa, phương pháp thử;
- TCVN 6008:2010 - Thiết bị áp lực - Mối hàn yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra.

Trong trường hợp các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn quốc gia viện

dẫn tại quy trình kiểm định này có bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới nhất.

Việc kiểm định các chỉ tiêu về kỹ thuật an toàn của bình chịu áp lực có thể áp dụng theo tiêu chuẩn khác khi có đề nghị của cơ sở sử dụng, chế tạo với điều kiện tiêu chuẩn đó phải có các chỉ tiêu kỹ thuật về an toàn bằng hoặc cao hơn so với các chỉ tiêu quy định trong các tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong quy trình này.

### **3. THUẬT NGỮ, ĐỊNH NGHĨA**

Quy trình này sử dụng các thuật ngữ, định nghĩa trong các tài liệu viện dẫn nêu trên và một số thuật ngữ, định nghĩa trong quy trình này được hiểu như sau:

#### **3.1. Kiểm định kỹ thuật an toàn lần đầu**

Là hoạt động đánh giá tình trạng kỹ thuật an toàn của bình theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia sau khi lắp đặt, trước khi đưa vào sử dụng lần đầu.

#### **3.2. Kiểm định kỹ thuật an toàn định kỳ**

Là hoạt động đánh giá tình trạng kỹ thuật an toàn của bình theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia khi hết thời hạn của lần kiểm định trước.

#### **3.3. Kiểm định kỹ thuật an toàn bất thường**

Là hoạt động đánh giá tình trạng kỹ thuật an toàn của bình theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia khi:

- Sau khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo có ảnh hưởng tới tình trạng kỹ thuật an toàn của bình;
- Khi sử dụng lại các bình đã nghỉ hoạt động từ 12 tháng trở lên;
- Sau khi thay đổi vị trí lắp đặt (đối với bình cố định);
- Khi có yêu cầu của cơ sở hoặc cơ quan có thẩm quyền.

### **4. CÁC BƯỚC KIỂM ĐỊNH**

Khi kiểm định kỹ thuật an toàn bình chịu áp lực, tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn phải thực hiện lần lượt theo các bước sau:

- Kiểm tra hồ sơ bình chịu áp lực;

## **QCVN 67:2018/BGTVT**

- Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong;
- Kiểm tra kỹ thuật thử nghiệm;
- Kiểm tra vận hành;
- Xử lý kết quả kiểm định.

Lưu ý: Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được tiến hành khi kết quả kiểm tra ở bước trước đó đạt yêu cầu. Tất cả các kết quả kiểm tra phải được ghi theo mẫu Biên bản kiểm định kèm theo quy trình này và lưu lại đầy đủ tại tổ chức kiểm định.

### **5. ĐIỀU KIỆN KIỂM ĐỊNH**

Khi tiến hành kiểm định phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

- 5.1. Bình chịu áp lực phải ở trạng thái sẵn sàng đưa vào kiểm định.
- 5.2. Hồ sơ, tài liệu của thiết bị phải đầy đủ.
- 5.3. Các yếu tố môi trường, thời tiết không làm ảnh hưởng tới kết quả kiểm định.
- 5.4. Các điều kiện về an toàn vệ sinh lao động phải đáp ứng để kiểm định bình chịu áp lực.

### **6. CHUẨN BỊ KIỂM ĐỊNH**

Trước khi tiến hành kiểm định bình chịu áp lực phải thực hiện các công việc chuẩn bị sau:

- 6.1. Thống nhất kế hoạch kiểm định, công việc chuẩn bị và phối hợp giữa tổ chức kiểm định với cơ sở, bao gồm cả những nội dung sau:
  - 6.1.1. Chuẩn bị hồ sơ tài liệu của bình.
  - 6.1.2. Tháo môi chất, làm sạch bên trong và bên ngoài bình.
  - 6.1.3. Tháo gỡ từng phần hoặc toàn bộ lớp bọc bảo ôn cách nhiệt nếu có dấu hiệu nghi ngờ kim loại thành bị hư hỏng. Tháo các cửa người chui, cửa vệ sinh. (nếu có)
  - 6.1.4. Chuẩn bị các công việc đảm bảo cho việc xem xét tất cả các bộ phận của bình.

## QCVN 67:2018/BGTVT

6.1.5. Bình có những bộ phận đốt nóng bằng điện hoặc có các bộ phận chuyển động thì phải tách ra khỏi bình.

6.1.6. Đối với bình làm việc với môi chất độc, dễ cháy nổ phải tiến hành khử môi chất trong bình, đảm bảo không ảnh hưởng cho người khi tiến hành công việc kiểm tra.

6.1.7. Chuẩn bị điều kiện về nhân lực, vật tư phục vụ kiểm định; cử người tham gia và chứng kiến kiểm định.

6.2. Kiểm tra hồ sơ bình chịu áp lực.

Căn cứ vào các hình thức kiểm định để kiểm tra, xem xét các hồ sơ, tài liệu kỹ thuật sau:

6.2.1. Đối với kiểm định kỹ thuật an toàn lần đầu:

6.2.1.1. Kiểm tra hồ sơ của bình chịu áp lực theo quy định về hồ sơ kiểm định nêu tại Điều 12 của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT và lưu ý xem xét các tài liệu Hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng sửa chữa;

6.2.1.2. Các báo cáo kết quả hiệu chuẩn thiết bị đo lường; biên bản kiểm tra tiếp đất, chống sét, thiết bị bảo vệ (nếu có).

6.2.2. Đối với kiểm định kỹ thuật an toàn định kỳ:

6.2.2.1. Kiểm tra hồ sơ bình chịu áp lực, theo quy định về hồ sơ kiểm định nêu tại Điều 12 của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT.

6.2.2.2. Hồ sơ về quản lý sử dụng, vận hành, bảo dưỡng; biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có).

6.2.3. Đối với kiểm định kỹ thuật an toàn bất thường:

6.2.3.1. Trường hợp thay đổi vị trí lắp đặt: Kiểm tra hồ sơ bình chịu áp lực, theo quy định về hồ sơ kiểm định nêu tại Điều 12 của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT và xem xét hồ sơ lắp đặt.

6.2.3.2. Trường hợp sau khi bình chịu áp lực không làm việc từ 12 tháng trở lên xem xét hồ sơ như kiểm định kỹ thuật an toàn định kỳ.

Đánh giá kết quả hồ sơ: Kết quả đạt yêu cầu khi:

- Hồ sơ các bình chịu áp lực đầy đủ, chính xác theo quy định.

6.3. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện kiểm định phù hợp để phục vụ quá trình kiểm định.

6.4. Xây dựng và thống nhất thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn với cơ sở trước khi kiểm định. Trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân, đảm bảo an toàn trong quá trình kiểm định.

## **7. TIẾN HÀNH KIỂM ĐỊNH**

Khi tiến hành kiểm định phải thực hiện theo trình tự sau:

7.1. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài.

7.1.1. Mặt bằng, vị trí lắp đặt bình chịu áp lực.

7.1.2. Hệ thống chiếu sáng vận hành.

7.1.3. Sàn thao tác, cầu thang, giá treo...

7.1.4. Hệ thống tiếp đất an toàn điện, chống sét (nếu có).

7.1.5. Kiểm tra các thông số kỹ thuật trên nhãn mác của bình chịu áp lực so với hồ sơ của bình.

7.1.6. Kiểm tra tình trạng của các thiết bị an toàn, đo lường và phụ trợ về số lượng, kiểu loại, các thông số kỹ thuật so với hồ sơ thiết bị.

7.1.7. Các loại van lắp trên bình chịu áp lực về số lượng, kiểu loại, các thông số kỹ thuật so với hồ sơ thiết bị.

7.1.8. Kiểm tra tình trạng các thiết bị phụ trợ khác kèm theo phục vụ quá trình làm việc của bình.

7.1.9. Kiểm tra tình trạng mối hàn, bề mặt kim loại các bộ phận chịu áp lực của bình chịu áp lực. Khi có nghi ngờ thì yêu cầu cơ sở áp dụng các biện pháp kiểm tra bổ sung phù hợp để đánh giá chính xác hơn.

7.1.10. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của lớp cách nhiệt (nếu có).

7.1.11. Kiểm tra các chi tiết ghép nối.

Đánh giá kết quả: Kết quả đạt yêu cầu khi:

(1) Thiết bị chịu áp lực sử dụng trên phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không có các hiện tượng nêu tại điểm 2, khoản B, mục V, chương 2, phần II của Quy chuẩn này;

(2) Thiết bị chịu áp lực sử dụng trên phương tiện giao thông đường sắt thỏa mãn các quy định nêu tại điểm 3.5, mục III, chương 3, Phần II của Quy chuẩn này.

## 7.2. Kiểm tra kỹ thuật bên trong

7.2.1. Kiểm tra tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu áp lực của bình.

7.2.2. Kiểm tra tình trạng cặn bẩn, han gỉ, ăn mòn thành kim loại bên trong của bình chịu áp lực.

7.2.3. Kiểm tra tình trạng mối hàn, bề mặt kim loại các bộ phận chịu áp lực của bình chịu áp lực. Khi có nghi ngờ thì yêu cầu cơ sở áp dụng các biện pháp kiểm tra bổ sung phù hợp để đánh giá chính xác hơn.

7.2.4. Đối với những vị trí không thể tiến hành kiểm tra bên trong khi kiểm định thì việc kiểm tra tình trạng kỹ thuật phải được thực hiện theo tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo. Trong tài liệu phải ghi rõ: hạng mục, phương pháp và trình tự kiểm tra.

7.2.5. Trường hợp bình chịu áp lực có ống chùm, nếu thấy nghi ngờ về tình trạng kỹ thuật trong khu vực ống chùm thì phải yêu cầu cơ sở tháo từng phần hoặc toàn bộ ống chùm ra để kiểm tra.

7.2.6. Khi không có khả năng kiểm tra bên trong do đặc điểm kết cấu của bình chịu áp lực, cho phép thay thế việc kiểm tra bên trong bằng thử thủy lực với áp suất thử quy định và kiểm tra những bộ phận có thể kiểm tra được.

7.2.7. Khi phát hiện có những khuyết tật làm giảm độ bền thành chịu áp lực (thành bị mỏng, các mối nối mòn...) cần giảm thông số làm việc của bình chịu áp lực. Việc giảm thông số phải dựa trên cơ sở tính lại sức bền theo các số liệu thực tế.

Đánh giá kết quả: Kết quả đạt yêu cầu khi:

(1) Không có các vết nứt, phỏng, móp, bị ăn mòn quá quy định ở các bộ phận chịu áp lực và ở các mối hàn, mối nối và trên thành thiết bị.



(2) Không có các chi tiết bắt xiết bị mòn, các mối nối bị hỏng;

**7.3. Kiểm tra kỹ thuật, thử nghiệm**

7.3.1. Bình chịu áp lực được miễn thử bền khi kiểm định lần đầu nếu thời gian thử xuất xưởng không quá 12 tháng, được bảo quản tốt, khi vận chuyển, lắp đặt không có biểu hiện bị va đập, biến dạng. Biên bản kiểm định phải ghi rõ lý do và đính kèm các biên bản thử xuất xưởng của cơ sở chế tạo, biên bản nghiệm thu lắp đặt (nếu có).

7.3.2. Nếu bình có kết cấu nhiều phần làm việc ở cấp áp suất khác nhau có thể tách và thử riêng cho từng phần.

7.3.3. Khi kiểm tra, phải có biện pháp cách ly để đảm bảo các thiết bị bảo vệ tự động, đo lường không bị phá hủy ở áp suất thử. Trong trường hợp không đảm bảo được thì phải tháo các thiết bị này ra.

**7.3.4. Thử bền.**

7.3.4.1. Môi chất thử là chất lỏng (nước, chất lỏng không ăn mòn, độc hại), chất khí (khí trơ, không khí). Nhiệt độ môi chất thử dưới 50oC và không thấp hơn nhiệt độ môi trường xung quanh quá 5oC.

7.3.4.2. Áp suất thử, thời gian duy trì áp suất thử được quy định tại bảng 1 dưới đây.

**Bảng 1: Áp suất thử, thời gian duy trì áp suất thử bền**

Loại bình	Áp suất làm việc (bar)	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Các bình có nhiệt độ làm việc của thành đến 200oC. (Trừ bình dúc)	< 5	1,5Plv nhưng không nhỏ hơn 2 bar	5
	≥ 5	1,25 Plv nhưng không nhỏ hơn Plv +3 bar	5

**QCVN 67:2018/BGTVT**

Loại bình	Áp suất làm việc (bar)	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Các bình có nhiệt độ thành trên 2000C đến 4000C	Không phụ thuộc áp suất làm việc	Không nhỏ hơn 1,5 P <sub>lv</sub>	5
Các bình có nhiệt độ thành trên 4000C	Không phụ thuộc áp suất làm việc	Không nhỏ hơn 2 P <sub>lv</sub>	5
Các bình đúc	Không phụ thuộc áp suất làm việc	1,5P <sub>lv</sub> nhưng không nhỏ hơn 3 bar	5
Bình tráng men	Không phụ thuộc áp suất làm việc	Thử theo quy định của nhà chế tạo, nhưng không nhỏ hơn P <sub>lv</sub>	5

P<sub>lv</sub> - Áp suất làm việc.

#### 7.3.4.3. Trình tự thử bền:

7.3.4.3.1. Nạp môi chất thử: Nạp đầy môi chất thử vào bình. (lưu ý việc xả khí khi thử bằng chất lỏng)

7.3.4.3.2. Tăng áp suất lên đến áp suất thử (lưu ý tăng từ từ để tránh hiện tượng dẫn nổ đột ngột làm hỏng bình và nghiêm cấm việc gõ búa khi ở áp suất thử). Theo dõi, phát hiện các hiện tượng bất thường trong quá trình thử.

7.3.4.3.3. Duy trì áp suất thử theo quy định.

7.3.4.3.4. Giảm áp suất từ từ về áp suất làm việc, giữ nguyên áp suất này trong suốt quá trình kiểm tra. Sau đó giảm áp suất về (0); khắc phục các tồn tại (nếu có) và kiểm tra lại kết quả đã khắc phục được.

7.3.4.4. Trường hợp không có điều kiện thử bằng chất lỏng do ứng suất trên bề

## QCVN 67:2018/BGTVT

móng, trên sàn gác hoặc khó xả môi chất lỏng, do có lớp lót bên trong ngăn cản việc cho môi chất lỏng vào, cho phép thử bền bằng khí .

7.3.4.4.1. Việc thử khí chỉ cho phép khi có kết quả tốt về kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong và phải tính toán kiểm tra bền trên cơ sở dữ liệu đo đạc trực tiếp trên bình.

7.3.4.4.2. Khi thử khí phải áp dụng biện pháp an toàn sau:

- Van và áp kế trên đường ống nạp khí phải đưa ra xa chỗ đặt bình hoặc để ngoài buồng đặt bình;

- Trong thời gian bình chịu áp lực thử khí, người không có trách nhiệm phải tránh ra một chỗ an toàn.

7.3.4.4.3. Kiểm tra độ kín bằng dung dịch xà phòng hoặc bằng các biện pháp khác. Nghiêm cấm gõ búa lên thành bình trong khi thử bằng áp lực khí.

Đánh giá kết quả: Kết quả thử đạt yêu cầu khi:

- Không có hiện tượng nứt;
- Không tìm ra bọt khí, bụi nước, rỉ nước qua các mối hàn, mối nối;
- Không phát hiện có biến dạng;
- Áp suất không giảm khi duy trì ở áp suất thử, nếu do xì hở ở các van, mặt bích... mà áp suất thử giảm không quá 3% trong thời gian duy trì thì cũng coi như việc thử bền đạt yêu cầu.

7.3.5. Thử kín:

Chỉ áp dụng khi công nghệ đòi hỏi, các bình làm việc với các môi chất độc hại, dễ cháy nổ hoặc theo yêu cầu của nhà chế tạo.

7.3.5.1. Áp suất, môi chất, thời gian duy trì được quy định tại bảng 2.

Bảng 2: Áp suất, môi chất và thời gian duy trì thử kín

Loại bình	Áp suất thử (bar)	Môi chất thử	Thời gian duy trì (phút)
-----------	-------------------	--------------	--------------------------

**QCVN 67:2018/BGTVT**

Loại bình	Áp suất thử (bar)	Môi chất thử	Thời gian duy trì (phút)
Các loại bình	Plv	Không khí hoặc khí trơ	Duy trì trong quá trình kiểm tra nhưng không nhỏ hơn 30 phút
Bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	7,5	Không khí hoặc khí trơ	Duy trì trong quá trình kiểm tra nhưng không nhỏ hơn 30 phút

Plv - Áp suất làm việc.

7.3.5.2. Nạp môi chất thử vào bình và nâng đến áp suất thử.

7.3.5.3. Phát hiện các rò rỉ bằng dung dịch xà phòng hoặc bằng các biện pháp khác.

Đánh giá kết quả: Thử kín đạt yêu cầu khi:

- Không phát hiện được sự rò rỉ khí;
- Độ sụt áp cho phép trong thời gian duy trì áp suất thử:  $\leq 0,5\%$  áp suất thử.

7.4. Kiểm tra vận hành.

7.4.1. Kiểm tra đầy đủ các điều kiện để có thể đưa bình vào vận hành.

7.4.2. Kiểm tra tình trạng làm việc của bình và các phụ kiện kèm theo; sự làm việc của các thiết bị đo lường, bảo vệ.

7.4.3. Khi bình làm việc ổn định, tiến hành nâng áp suất để kiểm tra và hiệu chỉnh áp suất làm việc của van an toàn, thực hiện niêm chì van an toàn (trừ bình làm việc với môi chất độc hại, dễ cháy nổ).

7.4.4. Van an toàn có thể hiệu chỉnh và niêm chì không cùng quá trình thử vận hành.

7.4.5. Giá trị hiệu chỉnh van an toàn: Áp suất đặt của van an toàn không vượt quá giá trị dưới đây:

## **QCVN 67:2018/BGTVT**

- Plv + 0,5 bar - Khi áp suất làm việc đến 3 bar.
- Plv + 15% Plv - Khi áp suất làm việc trên 3 bar đến 60 bar.
- Plv + 10% Plv - Khi áp suất làm việc trên 60 bar.
- Đối với bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) áp suất đặt của van an toàn bằng áp suất thiết kế.

Đánh giá kết quả: Kết quả đạt yêu cầu khi bình chịu áp lực, các thiết bị phụ trợ và các thiết bị thiết bị an toàn, đo lường bảo vệ làm việc bình thường, các thông số làm việc ổn định.

### **8. XỬ LÝ KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**

8.1. Lập biên bản kiểm định với nội dung theo mẫu kèm theo .

8.2. Thông qua biên bản kiểm định:

Thành phần tham gia thông qua biên bản kiểm định bắt buộc tối thiểu phải có các thành viên sau:

- Đại diện cơ sở hoặc người được cơ sở ủy quyền;
- Kiểm định viên thực hiện việc kiểm định.

Khi biên bản được thông qua, kiểm định viên, người đại diện cơ sở hoặc người được cơ sở ủy quyền cùng ký và đóng dấu (nếu có) vào biên bản. Biên bản kiểm định được lập thành hai (02) bản, mỗi bên có trách nhiệm lưu giữ 01 bản.

8.3. Sau khi hoàn thành Biên bản kiểm định, kiểm định viên thực hiện bước lập hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại 6.2 phần III của Quy chuẩn này.

(Cơ quan quản lý cấp trên)  
(Tên tổ chức kiểm định)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.../.....-.....

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ ÁP LỰC**

Loại kiểm tra:

Tên thiết bị:

Năm, nơi sản xuất:

Nhãn hiệu/Số loại:

Địa điểm lắp đặt:

Ký hiệu nhận dạng:

Ngày, nơi kiểm tra:

Loại phương tiện:

Chủ phương tiện:

Điện thoại:

Địa chỉ:

**ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CƠ BẢN, KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ THỬ**

**1. Đặc tính kỹ thuật cơ bản**

**2. Kết quả kiểm tra và thử (\*)**

Thiết bị đã được kiểm tra, thử phù hợp với Tiêu chuẩn/Quy chuẩn:

**3. Kết luận:**

**4. Thời hạn kiểm định:**

..... ngày tháng năm....

**Chủ thiết bị**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm định viên**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ảnh thiết bị:

